



BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NHẤT VIỆT
VIETFIRST SECURITIES CORPORATION
TẠI NGÀY 31/12/2015



ĐƯỢC SOÁT XÉT BỞI : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

ĐỊA CHỈ : 29 VÕ THỊ SÁU, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐT : (08) 3820 5944 - (08) 3820 5947 **FAX** (08) 3820 5942

EMAIL : info@aascs.com.vn **Website** www.aascs.com.vn



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo Ban Tổng Giám đốc	03 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán	07 - 16
4. Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2015	17 - 20



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán NHẤT VIỆT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán NHẤT VIỆT được thành lập theo Giấy phép số 100/UBCK-GP ngày 13 tháng 10 năm 2008 do Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp, với hoạt động kinh doanh như sau :

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 3, số 117, 119, 121 Nguyễn Du, phường Bến Thành, quận 1 - TPHCM.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2014 - 2019 bao gồm :

Ông Phan Văn Tạo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 05/05/2014
Ông Lê Khương Vang	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 05/05/2014
Ông Nguyễn Xuân Phước	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 05/05/2014
Ông Đặng Đức Trung	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 05/05/2014
Ông Thái Hoàng Long	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 05/05/2014

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc

Ông Thái Hoàng Long	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/10/2008 (từ nhiệm ngày 08/01/2016)
Ông Nguyễn Kim Chi	Phụ trách chung	Bổ nhiệm ngày 09/01/2016
Ông Nguyễn Văn Khoa	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15/10/2008

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2015 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2014. Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành;
- Lập và trình bày các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

Địa chỉ : 117-119-121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. HCM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng Khoán NHẤT VIỆT

phê duyệt Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2015 của Công ty.

TP. HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2016

Thay mặt Hội đồng Quản trị

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Văn Tạo

Đại diện Ban Điều hành

(Theo Ủy quyền số 01/2016/QĐ.CTHĐQT)



Nguyễn Kim Chi



Số :31.....BCKT/TC/2016/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Kính gửi : - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo của **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT**, được lập ngày 18/01/2016 từ trang 07 đến trang 20, bao gồm Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2015 và Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm toán nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán NHẤT VIỆT tại thời điểm 31/12/2015 (đính kèm Báo cáo kiểm toán này) đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các qui định của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 của Bộ Tài chính qui định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

TP. HCM, ngày 19 tháng 2 năm 2016
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)



Tổng Giám Đốc
Đỗ Khắc Thanh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán
0064 - 2013 - 142-1

Kiểm toán viên

A blue handwritten signature.

Võ Thị Mỹ Hương
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán
0858 - 2013 - 142-1



TP. HCM ngày 18 tháng 01 năm 2016

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm : 31/12/2015

Chúng tôi cam đoan rằng :

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khoa

TBP. Kiểm soát nội bộ



Nguyễn Thị Thu Bình

Đại diện Ban Điều hành

(Theo Ủy quyền số 01/2016/QĐ.CTHĐQT)



Nguyễn Kim Chi



I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A.	Nguồn vốn	(1)	(2)	(3)
1	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	135.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu Quĩ	-		
4	Quĩ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	-		
5	Quĩ đầu tư phát triển	502.021.160		
6	Quĩ dự phòng tài chính	502.021.160		
7	Quĩ khác thuộc Vốn Chủ sở hữu			
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo qui định của pháp luật	426.588.578		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)		-	-
10	Chênh lệch tỉ giá hối đoái		-	-
11	Lợi ích của Cổ đông thiểu số	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
13	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		398.605.460	731.666.742
1A	Tổng	136.430.630.898	398.605.460	731.666.742



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

Địa chỉ : 117-119-121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. HCM

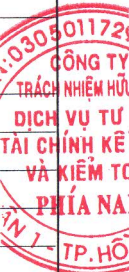
STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD (1)	Khoản giảm trừ (2)	Khoản tăng thêm (3)
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo qui định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo qui định tại khoản 5 Điều 5			
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác			
1	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2	Trả trước cho người bán		0	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
5	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		92.791.063	
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
IV	Hàng tồn kho			
1	Tài sản ngắn hạn khác			
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		88.150.050	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời gian hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời gian hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		579.104.057	
4.2	Tài sản ngắn hạn khác			
1B	Tổng	0	760.045.170	0



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

Địa chỉ : 117-119-121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. HCM

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
C	Tài sản dài hạn	(1)	(2)	(3)
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
II	Tài sản cố định		1.449.112.984	
III	Bất động sản đầu tư			
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
1	Đầu tư vào công ty con			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo qui định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo qui định tại khoản 5 Điều 5			
4	Đầu tư dài hạn khác			
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
V	Tài sản dài hạn khác		2.493.110.831	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo qui định tại Điều 5			
C	Tổng	0	3.942.223.815	0
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C				132.061.423.195



II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

	Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro	Qui mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				
1	Tiền mặt (VND)	0%	27.507.875.833	-
2	Các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn	0%	5.000.000.000	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%		
II. Trái phiếu chính phủ				
4	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%		
5	Trái phiếu chính phủ trả lãi suất cố định			
5,1	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ của các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và	3%		-
5,2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới một năm;	3%		
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4%		
	Trái phiếu công trình được chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;	5%		
III. Trái phiếu doanh nghiệp				
6	Trái phiếu niêm yết có thời hạn đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		
	Trái phiếu niêm yết có thời hạn đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		
	Trái phiếu không niêm yết có thời hạn đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		
IV. Cổ phiếu		2.404.572.030		2.404.572.030
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh; Chứng chỉ quỹ mở	10%	1.129.272.800	112.927.280
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội	15%	1.324.650.200	198.697.530
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống Upcom	20%	2.666.036.100	533.207.220
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%		
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	3.119.480.000	1.559.740.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

Địa chỉ : 117-119-121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. HCM

V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				-
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%		
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				84500
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%		
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	169.000	84.500
VII. Các tài sản khác				0
17	Cổ phần, phần vốn góp, và các loại chứng khoán khác	80%		
18	Các tài sản đầu tư khác			
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)				
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1.	...			
2.	...			
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				2.404.656.530

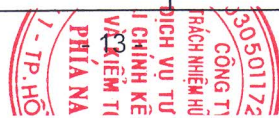


CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

Địa chỉ : 117-119-121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. HCM

B. RỦI RO THANH TOÁN

Loại giao dịch		Giá trị rủi ro :						Tổng giá trị rủi ro
		(1): hs 0%	(2): hs 0,8%	(3): hs 3,2%	(4): hs 4,8%	(5): hs 6%	(6): hs 8%	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán		= H/số RRTT theo đối tác x Giá trị TS tiềm ẩn rủi ro thanh toán						
1	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán						3.758.959	3.758.959
2	Cho vay chứng khoán / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							0
3	Vay chứng khoán / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							0
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							0
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							0
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (Cho khách hàng vay mua chứng khoán)/ các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							0
Cộng							3.758.959	
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán : = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán								
	Thời hạn thanh toán	Hệ số rủi ro			Qui mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
1	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%					-	
2	16-30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%					-	
3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%					-	
4	Từ 60 ngày trở đi	100%			14.365.429.052		14.365.429.052	
Cộng							14.365.429.052	14.365.429.052



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

Địa chỉ : 117-119-121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. HCM

III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)

	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Qui mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1			
	Cộng			
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B= I+II+III)				14.369.188.011

Ghi chú:

- (1): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Chính phủ, các tổ chức phát hành được chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- (2): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký Chứng khoán
- (3): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc khối OECD
- (4): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc ngoài khối OECD
- (5): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập và hoạt động ở Việt nam
- (6): Giá trị rủi ro thanh toán đối với tập đoàn nhà nước, Tổng công ty nhà nước, Công ty nhà nước, doanh nghiệp nhà nước
- (7): Giá trị rủi ro thanh toán đối với các tổ chức cá nhân khác



C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)

I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	20.399.105.264
	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	301.094.413
II.	1. Chi phí khấu hao	1.029.761.742
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	1.151.900.411
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(1.880.567.740)
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	20.098.010.851
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ	5.024.502.713
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	27.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C= Max (IV,V))		27.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)		43.773.844.541



III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ Vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	2.404.656.530	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	14.369.188.011	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	27.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4 = 1+2+3)	43.773.844.541	
5	Vốn khả dụng	132.061.423.195	
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6 = 5/4)	302%	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt được thành lập theo Giấy phép số 100/UBCK-GP ngày 13 tháng 10 năm 2008 do Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

Trụ sở chính được đặt tại Lầu 3, 117-119-121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. HCM.

Lĩnh vực kinh doanh : Kinh doanh chứng khoán.

Loại hình kinh doanh (Theo Giấy phép số 100/UBCK-GP) :

- Môi giới chứng khoán.
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Tự doanh chứng khoán.

Vốn góp cổ phần theo Giấy phép số 100/UBCK-GP của Công ty tại ngày 30/6/2015 là 135.000.000.000 VND, gồm có các cổ đông dưới đây:

STT	Tên	Loại cổ đông	Giá trị góp vốn	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Vina Toyo	Cổ đông sáng lập	6.750.000.000	5,00
2	Công ty CP Căn Nhà Mơ Ước Hà Nội	Cổ đông sáng lập	5.300.000.000	3,93
3	Ông Trần Hữu Quỳnh	Cổ đông góp vốn	11.500.000.000	8,52
4	Công ty CP Ngân Sơn	Cổ đông góp vốn	6.750.000.000	5,00
5	Công ty CP Cát Lợi	Cổ đông góp vốn	20.250.000.000	15,00
6	Công ty CP Đầu tư Vinataba	Cổ đông góp vốn	3.000.000.000	2,22
7	Công ty CP Đầu tư Căn Nhà Mơ Ước	Cổ đông góp vốn	8.000.000.000	5,93
8	Công ty CP Căn Nhà Mơ Ước Đông Nam	Cổ đông góp vốn	5.890.000.000	4,36
9	Cty CP Sành Sứ Thủy Tinh Việt nam	Cổ đông góp vốn	1.000.000.000	0,74
10	42 cổ đông thể nhân	Cổ đông góp vốn	66.560.000.000	49,30
	Tổng cộng		135.000.000.000	100,00

Các thành viên của Hội đồng Quản trị :

Ông Phan Văn Tạo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05/05/2014
Ông Lê Khương Vang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 05/05/2014
Ông Nguyễn Xuân Phước	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 05/05/2014
Ông Đặng Đức Trung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 05/05/2014
Ông Thái Hoàng Long	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 05/05/2014

Các thành viên của Ban Giám đốc :

Ông Thái Hoàng Long	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/10/2008 (từ nhiệm ngày 08/01/2016)
Ông Nguyễn Kim Chi	Phụ trách chung	Bổ nhiệm ngày 09/01/2016
Ông Nguyễn Văn Khoa	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15/10/2008

Tổng số nhân viên và người lao động : 39 người

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính : không phát sinh.

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1. Tuyên bố về tuân thủ :

Báo cáo tỷ lệ An toàn Tài chính đã được lập phù hợp với các qui định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

2. Cơ sở số liệu tài chính :

Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính được lập dựa trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015 kết thúc cùng ngày. Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2015 kết thúc ngày 31/12/2015.

III. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

1. Tỷ lệ Vốn khả dụng :

Tỷ lệ Vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức qui định trong Thông tư số 226/2010/TT-BTC và Thông tư số 165/2012/TT-BTC như sau :

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng X 100\%}}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động

2. Vốn khả dụng :

a. Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày, bao gồm :

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Thặng dư vốn cổ phần;
- Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ;
- Quỹ đầu tư phát triển;
- Quỹ dự phòng tài chính;
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật;
- Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Lợi ích của cổ đông thiểu số;
- Các khoản giảm trừ;
- Các khoản tăng thêm.

b. Các khoản điều chỉnh tăng :

- Giá trị các khoản nợ có thời hạn ban đầu là 5 năm của Công ty (nếu có) có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu;
- Các khoản nợ có thời hạn ban đầu là 10 năm (nếu có) đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước; và
- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập Báo cáo Tỷ lệ An toàn tài chính.



c. Các khoản điều chỉnh giảm :

- Các chỉ tiêu trong tài sản dài hạn;
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập Báo cáo Tỷ lệ An toàn tài chính;
- Các tài sản dài hạn và ngắn hạn thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên chín mươi (90) ngày;
- Các khoản ngoại trừ (nếu có) trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

3. Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường được xác định theo qui định của Thông tư Thông tư số 226/2010/TT-BTC như sau :

$$\text{RỦI RO THỊ TRƯỜNG} = \text{Vị thế ròng} \times \text{Giá tài sản} \times \text{Hệ số rủi ro thị trường}$$

Giá tài sản

Giá tài sản được xác định theo nguyên tắc định giá được qui định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC như sau:

- Tiền : Số dư tài khoản tại ngày tính toán;
- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh : Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; giá mua; giá theo phương pháp nội bộ của Công ty. Tức là Max(Giá trị sổ sách ; Giá mua ; Giá xác định theo phương pháp nội bộ)
- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội : Giá giao dịch bình quân tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; giá mua; giá theo phương pháp nội bộ của Công ty. Tức là Max(Giá trị sổ sách ; Giá mua ; Giá xác định theo phương pháp nội bộ)
- Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCOM : Giá giao dịch bình quân tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; giá mua; giá theo phương pháp nội bộ của Công ty. Tức là Max(Giá trị sổ sách ; Giá mua ; Giá xác định theo phương pháp nội bộ)

Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo qui định của Thông tư số 226/2010/TT-BTC.

Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của mỗi tài sản xác định theo qui định sẽ phải điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.

Công ty không phát sinh giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

4. Giá trị rủi ro thanh toán :

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau :

- Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo nguyên tắc sau :

$$\text{Giá trị rủi ro trước thời hạn thanh toán} =$$

$$\text{Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

Giá trị rủi ro thanh toán quá thời hạn thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau ;

$$\text{Giá trị rủi ro quá thời hạn thanh toán} =$$

Hệ số rủi ro thanh toán :

Căn cứ Thông tư số 226/2010/TT-BTC, hệ số rủi ro trước thời hạn thanh toán cho loại giao dịch “Tiền gửi có kỳ hạn là 6% và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán” đối với “Các tổ chức, cá nhân khác” mà Công ty áp dụng là 8%.

Căn cứ Thông tư số 226/2010/TT-BTC, hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian cho các khoản phải thu quá thời hạn từ 60 ngày trở đi mà Công ty áp dụng là 100%.

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán :

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại. Tại Công ty chỉ tính rủi ro cho loại giao dịch “Tiền gửi có kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán” là toàn bộ giá trị khoản cho vay / tiền gửi.

Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Công ty được điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản đảm bảo của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau :

- Đối tác, khách hàng có tài sản đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản đảm bảo là tiền, các khoản tương đương tiền, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;

- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản đảm bảo trong trường hợp đối tác hoặc khách hàng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

- Giá trị tài sản đảm bảo tính giảm trừ được xác định như sau :

$$\text{Giá trị tài sản đảm bảo} = \text{Khối lượng tài sản} \times \text{Giá tài sản} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})$$

Tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán :

Công ty không tính phần tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán

5. Giá trị rủi ro hoạt động :

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng 12 tháng liền kề tính tới tháng gần nhất hoặc 20% vốn pháp định theo qui định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ trừ đi :

- Chi phí khấu hao;
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn và
- Dự phòng phải thu khó đòi.

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khoa

Kiểm soát nội bộ



Nguyễn Thị Thu Bình

TP. HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2016

Đại diện Ban Điều hành

(Theo Ủy quyền số 01/2016/QĐ.CTHĐQT)



Nguyễn Kim Chi